

NGŨ VĂN 9 - TUẦN 6 (HK2)

Tiết 1+ 2 : Văn bản

MÙA XUÂN NHỎ NHỎ

(Thanh Hải)

I. Đọc – hiểu chú thích

1. Tác giả :

- Thanh Hải (1930-1980), Phong Điền - Thừa Thiên Huế. Là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học cách mạng ở miền Nam từ những ngày đầu.

2. Tác phẩm:

Bài thơ được viết tháng 11.1980, khoảng 1 tháng sau thì nhà thơ qua đời. Bài thơ là khúc ca xuân, là tấm lòng tha thiết, ước nguyện cống hiến của Thanh Hải đối với quê hương, đất nước, với cách mạng.

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời

Mọc giữa dòng sông xanh

.....
Hót chi mà vang trời.

- Hình ảnh chọn lọc tiêu biểu điển hình của mùa xuân:

+ Từ “mọc” được đặt ở đầu câu: nghệ thuật đảo ngữ nhằm : nhấn mạnh, khắc họa sự khoẻ khoắn. “Mọc” tiềm ẩn một sức sống, sự vươn lên, trỗi dậy. Giữa dòng sông rộng lớn, không gian mênh mông chỉ một bông hoa thôi mà không hề gọi lên sự lẻ loi đơn chiếc. Trái lại, bông hoa ấy hiện lên lung linh, sông động, tràn đầy sức (sống) xuân.

+ Màu sắc: gam màu hài hoà dịu nhẹ tươi tắn. Màu xanh lam của nước sông (dòng sông Hương) hòa cùng màu tím biếc của hoa, một màu tím giản dị, thủy chung, mộng mơ và quyến rũ. Đó là màu sắc đặc trưng của xứ Huế.

+ Âm thanh: Tiếng chim chiền chiện, loài chim của mùa xuân.

+ Cách dùng các từ cảm thán: “*oi*”, “*chi*”: mang chất giọng ngọt ngào đáng yêu của người xứ Huế (thân thương, gần gũi).

=> Khung cảnh mùa xuân có không gian cao rộng, màu sắc tươi thắm, âm thanh vang vọng - một sắc xuân của xứ Huế. Một không gian bay bổng lại đầm thắm dịu dàng, tươi tắn.

- Cảm xúc say sưa ngây ngất xôn xang rạo rực trước cảnh đất trời vào xuân:

+ Tiếng chim chiền chiện hót vang trời nhưng không tan biến vào không trung. Nó như ngưng đọng lại thành từng giọt âm thanh. Ở đây có sự chuyển đổi cảm giác: *từ thính giác đến thị giác, xúc giác*. Những yếu tố huyền ảo trong bài thơ được thể hiện một cách sáng tạo, gợi cảm.

+ “*Tôi đưa tay tôi hứng*”: Sự trân trọng vẻ đẹp của thi nhân đối với vẻ đẹp chất nhạc của trời với sông, của chim với hoa thể hiện sự đồng cảm của thi nhân trước thiên nhiên và cuộc đời.

2. Cảm xúc của nhà thơ về mùa xuân đất nước:

Mùa xuân người cầm súng

.....
Lộc trải dài nương mạ.

- Lộc non chồi biếc: Sức sống của con người. Đây là những hình ảnh tượng trưng, kết cấu đối xứng.

- Tả thực: Mùa xuân là mùa ra quân, mùa chiến thắng, mùa xuân cũng là mùa người nông dân ra đồng gieo trồng lúa xuân.
- Ý nghĩa tượng trưng: 2 nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc, xây dựng đất nước.

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước.

- Một đất nước với 4000 năm dựng nước và giữ nước đã trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, gian khổ liệt, tưởng chừng như không thể vượt qua, thế mà vẫn kiên cường.

- Nghệ thuật so sánh: “*Đất nước như vì sao*”. Sự trường tồn vĩnh cửu của thiên nhiên được so sánh với tầm vóc của dân tộc Việt Nam.

=> Tác giả thể hiện niềm tin vào cách mạng, vào tương lai của đất nước, định hướng, mục đích sống của mỗi con người. Đó là sức sống, sức vươn lên không ngừng của đất nước vào xuân.

3. Suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ:

Ta làm con chim hót

.....
Một nốt trầm xao xuyến..

- Tác giả muốn làm: Một con chim hót vang trời (mang âm thanh). Một nhành hoa (khoe sắc tỏa hương). Một nốt trầm (sự vui vẻ, yêu đời). Nhưng tất cả đều một thôi: một con chim trong muôn ngàn loài chim, một nhành hoa trong biết bao loài hoa, một nốt trầm trong bản hòa ca.

- Trong cái không khí réo rắt đầy đủ các cung bậc âm thanh, nhà thơ chỉ khiêm tốn xin làm một nốt trầm nhập vào bản hoà ca chung.

- Lời ước nguyện chân thành tha thiết: *Làm một mùa xuân nho nhỏ*, công hiến phần tốt đẹp, dù nhỏ bé của mình cho mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung.

- Sự chuyển đổi cách xưng hô từ tôi (riêng) sang ta (chung) chính là sự thể hiện của khát vọng hoà nhập ấy.

Một mùa xuân nho nhỏ

.....
Dù là khi tóc bạc

- Hình ảnh có tính chất biểu tượng: “*mùa xuân - tuổi hai mươi*”: trẻ trung sung sức; “*Tóc bạc*”: trở về già. Mạch cảm xúc chuyển từ sôi nổi sang trầm lắng.

4. Khổ cuối là lời ca ngợi quê hương, đất nước qua giai điệu dân ca xứ Huế:

- Khổ thơ đầu được mở đầu bằng một phong cảnh Huế: *hoa nở, chim hót, dòng sông xanh*.

- Khổ kết thúc là một làn điệu dân ca xứ Huế quen thuộc, ngọt ngào, êm dịu, sử dụng ngôn ngữ giàu nhịp điệu, các vần bằng tha thiết, êm ái. Kết cấu đầu cuối tương ứng tạo sự hài hoà, cân đối cho bài thơ, đồng thời thể hiện rõ hơn khát vọng hoà nhập với cuộc đời của tác giả.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

Thể thơ năm chữ, giọng thơ lúc mạnh mẽ, lúc tha thiết ngân vang. Ngôn ngữ thơ trong sáng và biểu cảm, hàm súc và hình tượng. Các biện pháp lu từ như so sánh, ẩn dụ, song hành đối xứng, điệp ngữ... được vận dụng sắc sảo, tài hoa.

2. Nội dung:

- Tình yêu mùa xuân gắn liền với tình yêu quê hương đất nước, được Thanh Hải diễn tả một cách sâu sắc, cảm động. Mỗi một cuộc đời hãy là một mùa xuân nho nhỏ thì đất nước ta mãi mãi sẽ là những mùa xuân lớn tươi đẹp.

- Suy nghĩ của bản thân: Lối sống đẹp là biết phục vụ, cống hiến, hy sinh vì người khác, vì đồng bào, vì quê hương đất nước thân yêu. Sống có mục đích, ước mơ, lý tưởng cao đẹp. Luôn trau dồi tri thức, rèn luyện nhân cách, đạo đức để trở thành công dân tốt, có ích cho quê hương đất nước.

Tiết 3 + 4 : Văn bản

VIẾNG LĂNG BÁC

(Viễn Phương)

I. Đọc – hiểu chú thích

1. Tác giả:

- Viễn Phương – Phan Thanh Viễn, sinh năm 1928 – 2005, quê ở Chợ Mới - An Giang.
- Tham gia cách mạng qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

2. Tác phẩm:

- Tháng 4/1976 sau một năm giải phóng đất nước, khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa khánh thành, nhà thơ cùng đoàn đại biểu miền Nam ra thăm Hà Nội vào lăng viếng Bác.
- Bài thơ *Viếng lăng Bác* được Viễn Phương viết với tất cả tấm lòng thành kính biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau của một người con từ miền Nam ra viếng Bác.

II. Đọc – hiểu văn bản

1. Cảm xúc của nhà thơ về cảnh vật bên ngoài lăng (khổ 1)

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác.

- Câu thơ như một lời tâm sự, từ ngữ dung dị, tự nhiên, cách xưng hô thân mật, gần gũi, thân thương, kính trọng, giọng điệu cảm xúc (như người con về thăm cha).
- Từ “thăm” thay cho từ “viếng”: kìm nén đau thương nói tránh - khẳng định Bác còn sống mãi.

- Ấn tượng đầu tiên sâu sắc về hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác vừa thực vừa tượng trưng.

+ *Hàng tre bát ngát, thẳng hàng* (tả thực)

+ *Hàng tre xanh xanh Việt Nam* (tượng trưng)

- Xung quanh lăng Bác trồng nhiều tre và trúc. Tre cũng là hình ảnh quen thuộc là biểu tượng của nhân dân Việt Nam. Hình ảnh hàng tre thể hiện lòng tôn kính, trang nghiêm. Đường như dân tộc Việt Nam quần tụ quanh Bác. “Hàng tre” như gọi tả đội quân danh dự bên người.

=> Hình ảnh hàng tre vừa tượng trưng vừa thực, gọi tả được sự giản dị, gần gũi nhưng cũng rất thiêng liêng.

2. Cảm xúc của nhà thơ trước dòng người vào viếng Bác (khổ 2).

Ngày ngày mặt trời đi qua bên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

- Hình ảnh ẩn dụ: Mặt trời ánh sáng của sự sống vĩ đại lớn lao. Bác được ví như mặt trời soi đường chỉ lối cho dân tộc Việt Nam, mang lại cuộc sống ấm no cho nhân dân, cho dân tộc. Hình ảnh đó thể hiện lòng tôn kính và biết ơn, đồng thời gọi nên sự cao cả vĩ đại, lớn lao của bác.

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân

- Bằng điệp từ “ngày ngày”, nhà thơ đã đúc kết một sự thực cảm động diễn ra ngày này qua ngày khác. Biết bao dòng người với nỗi tiếc thương vô hạn cứ lặng lẽ lần lượt vào lăng viếng Bác.

Câu thơ sâu lắng có âm điệu kéo dài như diễn tả dòng người vô tận, khái quát thật sâu sắc tình cảm sâu nặng của nhà thơ với Bác Hồ.

- Với lòng biết ơn vô hạn, Viễn Phương đã sáng tạo hình ảnh ẩn dụ, giàu ý nghĩa tượng trưng “*bảy mươi chín mùa xuân*” để ca ngợi sự cống hiến, hi sinh cao cả của Bác Hồ kính yêu. Cuộc đời của Người là “*bảy mươi chín mùa xuân*” tươi đẹp, cống hiến trọn vẹn cho dân tộc, cho đất nước. Sự cống hiến của Bác thật cao cả, vĩ đại! Vì vậy Bác còn sống mãi trong niềm ngưỡng mộ, tôn kính của nhân dân.

3. Cảm xúc của nhà thơ khi vào lăng viếng Bác (khổ 3)

Bên Bác, nhà thơ cảm thấy gần gũi, thân thương:

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền*

- Bác đang yên nghỉ giữa lòng quê hương, đất nước thân yêu. Tác giả đã chọn lọc một hình ảnh đặc sắc, sinh động, giàu sức gợi cảm “*vầng trăng sáng dịu hiền*” để ca ngợi tâm hồn trong sáng cao đẹp tuyệt vời của Bác. Trong cảm nhận của nhà thơ, Bác mãi mãi là một vầng trăng ngời ngời tỏa sáng tình yêu thương cho con người và cuộc đời.

*Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.*

- “*Trời xanh*” cũng là hình ảnh ẩn dụ, là biểu tượng sự trường tồn của Bác Hồ - Người đã ra đi nhưng lý tưởng sự nghiệp của Người vẫn còn mãi.

- Cụm từ “*vẫn biết >< mà sao*” dùng như một sự đối lập. Đó là sự mâu thuẫn giữa lý trí (biết rằng hình ảnh Bác vẫn còn sống mãi, cũng như lý tưởng cao quý của Người) và tình cảm (đau đớn, xót xa khi nhận thức được thực tại).

- Những hình ảnh: *mặt trời, vầng trăng, trời xanh* là biểu tượng của thiên nhiên trường tồn, vĩnh cửu, bất diệt được ví với Bác. Bác như hoá thân vào non sông xứ sở, Bác trường tồn mãi mãi, vĩ đại, lớn lao ngang tầm trời đất.

4. Cảm xúc của nhà thơ khi nghĩ đến ngày xa Bác (khổ 4)

Nghĩ đến ngày về Miền nam, ngày xa Bác, dòng cảm xúc của nhà thơ tiếp tục dâng trào:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt

- Hình ảnh chứa chan cảm xúc “*thương trào nước mắt*” diễn tả cái cảm xúc đang dâng trào mãnh liệt trong lòng tác giả. Nhà thơ lưu luyến, nhớ thương, xúc động, nghẹn ngào, không muốn rời xa người cha già kính yêu.

- Với tất cả tấm lòng thành kính, biết ơn Bác, người con miền Nam đã bày tỏ ước nguyện:

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.*

- Điệp ngữ “*muốn làm*” được đặt ở đầu 3 câu thơ liên tiếp nhau gắn liền với hình ảnh “*con chim hót*”, “*đóa hoa tỏa hương*” và “*cây tre trung hiếu*” thể hiện ước nguyện giản dị, chân thành và sâu sắc của nhà thơ. Trước anh linh của Bác, người con miền Nam xin hứa luôn giữ mãi phẩm chất cao đẹp, trong sáng, cốt cách của con người Việt Nam để mãi mãi xứng đáng là lớp cháu con của Bác.

- Hình ảnh nhân hóa sinh động giàu sức biểu cảm “*cây tre trung hiếu*” gợi lên hình ảnh những người con trung kiên, hiếu nghĩa, một lòng vì nước vì dân. Tác giả nguyện sống xứng

đáng là người con trung hiếu của dân tộc. Lời hứa đó thể hiện tình cảm thành kính thiêng liêng của người con miền Nam và của nhân dân cả nước thành tâm hướng về Bác vô hạn.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Bài thơ có giọng điệu phù hợp với nội dung tình cảm, cảm xúc vừa trang nghiêm sâu lắng vừa tha thiết, đau xót, tự hào, thể hiện tâm trạng xúc động của nhà thơ vào lăng viếng Bác.

- Thể thơ tám chữ, có dòng bảy chữ gieo vần lưng. Khổ thơ không cố định có khi liền khi cách nhịp. Nhịp thơ chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính, lắng đọng.

- Hình ảnh thơ sáng tạo, có nhiều biện pháp nghệ thuật: ẩn dụ, tượng trưng.

2. Nội dung:

Bài thơ thể hiện lòng thành kính, biết ơn và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người khi vào lăng viếng Bác.

Tiết 5 : Văn bản

SANG THU

(Hữu Thỉnh)

I. Đọc – hiểu chú thích

1. Tác giả:

- Nguyễn Hữu Thỉnh sinh năm 1942, quê: Tam Dương - Vĩnh Phúc

- Hữu Thỉnh là người viết nhiều, viết hay về những con người, cuộc sống ở nông thôn về mùa thu: cảm giác băng khuâng, vấn vương trước đất trời trong trẻo đang biến chuyển nhẹ nhàng.

2. Tác phẩm:

- *Sang thu* được Hữu Thỉnh sáng tác vào cuối năm 1977, in lần đầu tiên trên báo Văn nghệ.

- Bài thơ được viết theo thể thơ năm chữ: nhịp nhàng, khoan thai, êm ái, trầm lắng và thoáng chút suy tư... thể hiện một bức tranh cuối hạ sang đầu thu trong sáng, đáng yêu ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.

II. Tìm hiểu bài thơ:

Khổ 1: Những cảm nhận ban đầu của nhà thơ về cảnh sang thu của đất trời:

a. Thiên nhiên được cảm nhận từ những gì vô hình:

- Hương ổi phả trong gió se (se lạnh và hơi khô). “Hương ổi” là làn hương đặc biệt của mùa thu miền Bắc được cảm nhận từ mùi ổi chín rộ.

- Từ “phả”: động từ có nghĩa là toả vào, trộn lẫn -> gợi mùi hương ổi ở độ đậm nhất, thơm nồng quyến rũ, hoà vào trong gió heo may của mùa thu, lan toả khắp không gian tạo ra một mùi thơm ngọt mát - hương thơm nồng nàn hấp dẫn của những vườn cây sum suê trái ngọt ở nông thôn Việt Nam.

- Sương chùng chình: những hạt sương nhỏ li ti giăng mắc như một làm sương mỏng nhẹ nhàng trôi, đang “cố ý” chậm lại thông thả, nhẹ nhàng, chuyển động chậm chậm sang thu. Hạt sương sớm mai cũng như có tâm hồn

b. Cảm xúc của nhà thơ:

- Kết hợp một loạt các từ: “bỗng, phả, hình như” thể hiện tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc băng khuâng trước thoáng đi bất chợt của mùa thu. Nhà thơ giật mình, hơi bối rối, hình

như còn có chút gì chưa thật rõ ràng trong cảm nhận. Vì đó là những cảm nhận nhẹ nhàng, thoáng qua. hay là vì quá đột ngột mà tác giả chưa nhận ra?

- Tâm hồn thi sĩ biến chuyển nhịp nhàng với phút giao mùa của cảnh vật. Từng cảnh sang thu thấp thoáng hồn người: chùng chình, bịn rịn, lưu luyến, băng khuâng...

Khổ 2: Hình ảnh thiên nhiên sang thu được nhà thơ phát hiện bằng những hình ảnh quen thuộc làm nên một bức tranh mùa thu đẹp đẽ và trong sáng:

- Dòng sông quê hương thướt tha mềm mại, hiền hoà trôi một cách nhàn hạ, thanh thản, gợi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh thiên nhiên mùa thu.

- Đối lập với hình ảnh trên là những cánh chim chiều bắt đầu vội vã bay về phương nam tránh rét trong buổi hoàng hôn.

- Mây được miêu tả qua sự liên tưởng độc đáo bằng tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết:

*“ Có đám mây mùa hạ.
Vắt nửa mình sang thu”*

=> Gợi hình ảnh một làn mây mỏng, nhẹ, kéo dài của mùa hạ còn sót lại như lưu luyến. Không phải vẻ đẹp của mùa hạ cũng chưa hẳn là vẻ đẹp của mùa thu mà đó là vẻ đẹp của thời khắc giao mùa được sáng tạo từ một hồn thơ tinh tế và nhạy cảm.

3. Khổ 3: Thiên nhiên sang thu còn được gợi ra qua hình ảnh cụ thể: nắng – mưa:

- Nắng – hình ảnh cụ thể của mùa hạ. Nắng cuối hạ vẫn còn nồng, còn sáng nhưng đã nhạt dần, yếu dần bởi gió se đã đến chứ không chói chang, dữ dội, gay gắt.

- Mưa cũng đã ít đi. Con mưa mùa hạ thường bất ngờ chợt đến rồi lại chợt đi. Từ “vội” có giá trị gợi tả, diễn tả cái thưa dần, ít dần, hết dần những cơn mưa rào ào ạt, bất ngờ của mùa hạ.

- Hình ảnh ẩn dụ :

*“Sấm cũng bớt bất ngờ.
Trên hàng cây đứng tuổi”*

+ Ý nghĩa tả thực: hình tượng sấm thường xuất hiện bất ngờ đi liền với những cơn mưa rào chỉ có ở mùa hạ (sấm cuối mùa, sấm cuối hạ cũng bớt đi, ít đi lúc sang thu).

+ Ý nghĩa ẩn dụ : Sấm là những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời. “Hàng cây đứng tuổi” gợi tả những con người từng trải đã từng vượt qua những khó khăn, những thăng trầm của cuộc đời. Qua đó, con người càng trở nên vững vàng hơn.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

Bài thơ Sang thu ngắn nhưng có nhiều hình ảnh đặc sắc, gợi cảm về thời khắc giao mùa hạ sang thu ở làng quê Việt Nam. Tác giả sử dụng khá thành công một số biện pháp nghệ thuật tu từ như từ láy, nhân hoá, ẩn dụ. Các biện pháp nghệ thuật này có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp dịu dàng, êm ả của đất trời khi thu sang.

2. Nội dung:

Qua bài thơ, ta thấy được lòng yêu thiên nhiên, yêu vẻ đẹp rất riêng của thời khắc giao mùa và thấy được tâm trạng, suy ngẫm của nhà thơ trước đất trời, trước cuộc đời.

TOÁN 9

TOÁN 9

CHƯƠNG 4 – HÀM SỐ BẬC HAI VÀ PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI

CHỦ ĐỀ 2: PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN

TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

1/ PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI MỘT ẨN:

Định nghĩa: Phương trình bậc hai một ẩn (nói gọn là phương trình bậc hai) là phương trình có dạng:

$$ax^2 + bx + c = 0$$

(trong đó x là ẩn số; a, b, c là các số cho trước gọi là các hệ số và $a \neq 0$)

Ví dụ 1: Xác định hệ số a, b, c trong các phương trình sau:

a) $x^2 + 2x - 24 = 0$ ($a = \dots\dots\dots$; $b = \dots\dots\dots$; $c = \dots\dots\dots$)

b) $\sqrt{3}x^2 - 3x = 0$ ($a = \dots\dots\dots$; $b = \dots\dots\dots$; $c = \dots\dots\dots$) (Phương trình khuyết hệ số c)

c) $-5x^2 + 10 = 0$ ($a = \dots\dots\dots$; $b = \dots\dots\dots$; $c = \dots\dots\dots$) (Phương trình khuyết hệ số b)

d) $\frac{x^2}{3} + 1 = 0$ ($a = \dots\dots\dots$; $b = \dots\dots\dots$; $c = \dots\dots\dots$) (Phương trình khuyết hệ số b)

e) $\frac{2x^2}{3} = 0$ ($a = \dots\dots\dots$; $b = \dots\dots\dots$; $c = \dots\dots\dots$) (Phương trình khuyết hệ số b và c)

f) $x^2 - 2m.x + m^2 - 1 = 0$ (x là ẩn số; m là tham số) ($a = \dots\dots\dots$; $b = \dots\dots\dots$; $c = \dots\dots\dots$)

Ví dụ 2: Điền vào chỗ trống:

Một tấm thảm trải sàn nhà hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 2m. Biết diện tích tấm thảm bằng $24m^2$.

Giải: Gọi x (m) là chiều rộng tấm thảm ($x > 0$)

Suy ra $\dots\dots\dots$ (m) là chiều dài tấm thảm.

Ta có: diện tích của tấm thảm là $24m^2$:

$$\dots\dots\dots = \dots\dots\dots$$

$$\Leftrightarrow \dots\dots\dots = 0$$

Một số ví dụ về giải phương trình bậc hai:

* **Phương trình bậc 2 dạng khuyết:**

A. Đưa về dạng phương trình tích: (phương trình bậc hai khuyết hệ số c)

$$ax^2 + bx = 0 \quad (a \neq 0)$$

$$\Leftrightarrow x.(ax + b) = 0 \quad (\text{đặt } x \text{ làm nhân tử chung})$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} \dots\dots\dots = 0 \\ \dots\dots\dots = 0 \end{cases}$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} x = \dots\dots\dots \\ x = \dots\dots\dots \end{cases}$$

$$\Rightarrow S = \{ \dots\dots\dots ; \dots\dots\dots \}$$

Ví dụ 3: Giải phương trình:

$$\sqrt{3}x^2 - 3x = 0$$

Dạng khác:

Ví dụ 4: Giải phương trình:

$$x^2 + (\sqrt{3} + 1)x + \sqrt{3} = 0$$

B. Đưa về dạng $x^2 = u$: (phương trình bậc hai khuyết hệ số b)

$$ax^2 + c = 0 \quad (a \neq 0)$$

$$\Leftrightarrow ax^2 = -c \quad (\text{chuyển về hệ số c rồi đổi dấu})$$

$$\Leftrightarrow x^2 = \frac{-c}{a} \quad (\text{Đưa về dạng } x^2 = u)$$

+**TH1:** Nếu a và c trái dấu ($u > 0$) thì $x = \pm\sqrt{u}$

$$\Rightarrow S = \{-\sqrt{u}; \sqrt{u}\}$$

+**TH2:** Nếu a và c cùng dấu ($u < 0$) thì **phương trình vô nghiệm**.

Ví dụ 5: Giải các phương trình:

1) $-5x^2 + 10 = 0$

2) $\frac{x^2}{3} + 1 = 0$

2/ CÔNG THỨC NGHIỆM CỦA PHƯƠNG TRÌNH BẬC HAI:

Các bước giải phương trình bậc hai một ẩn: $ax^2 + bx + c = 0$ ($a \neq 0$)

B1: Xác định các hệ số a, b, c .

B2: Tính biệt thức: $\Delta = \dots\dots\dots$

B3: Xác định nghiệm của phương trình:

TH1: Nếu $\Delta < 0$ thì **phương trình** $\dots\dots\dots$

TH2: Nếu $\Delta = 0$ thì **phương trình** $\dots\dots\dots$: $x_1 = x_2 = \dots\dots\dots$

TH3: Nếu $\Delta > 0$ thì **phương trình** $\dots\dots\dots$:
 $\left[\begin{array}{l} x_1 = \dots\dots\dots \\ x_2 = \dots\dots\dots \end{array} \right.$

Ví dụ 6: Giải các phương trình:

1) $x^2 + 2x - 24 = 0$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2) $x^2 - 2\sqrt{5}x + 5 = 0$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3) $5x^2 - 2x + 2 = 0$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Bài 1: Giải các phương trình sau:

$$1) \quad 3x^2 - 12x = 0$$

$$2) -2\sqrt{5}x^2 + 10x = 0$$

$$3) -\frac{1}{9}x^2 + 1 = 0$$

$$4) 3x^2 - 54 = 0$$

$$5) \quad x^2 - 2x - 15 = 0$$

$$6) -2x^2 + 5x + 2 = 0$$

$$7) \frac{9}{4}x^2 - 3x + 1 = 0$$

$$8) 3x^2 - 2\sqrt{3}x + 1 = 0$$

$$9) \quad x^2 - \frac{3}{5}x + \frac{1}{2} = 0$$

$$10) \frac{-3x^2}{2} + \frac{1}{6}x - 1 = 0$$

$$11) \quad 3x^2 + 7x - 5 = 11x + 2$$

$$12) \ x(x-2) = 35$$

13) $(x - 2)^2 = -4x + 9$

$$14) (2x+1)^2 - (x+1)(x-1) = 2$$

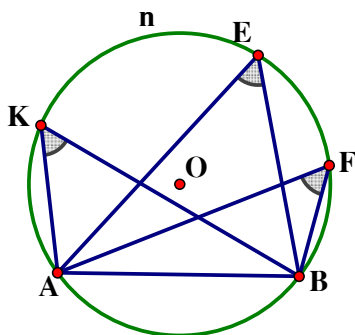
$$15) \quad x^2 - (2 + \sqrt{3})x + 2\sqrt{3} = 0$$

$$16) \ x^2 + (\sqrt{3} - \sqrt{2})x - \sqrt{6} = 0$$

TOÁN 9
CHƯƠNG 3 – GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN
CHỦ ĐỀ 2: TỨ GIÁC NỘI TIẾP

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT:

1/ CUNG CHỨA GÓC:



- Cho hình vẽ bên cạnh, cho biết : $\widehat{AKB} = \widehat{AEB} = \widehat{AFB} = \alpha$

Khi đó: Cung $\widehat{AnB}$ được gọi là **cung chứa góc α** dựng trên đoạn thẳng AB.

***Định lý (Kết luận SGK – Tr.85)**

GT: Cho $\widehat{AKB} = \widehat{AEB} = \widehat{AFB}$

KL: Các điểm K, E, F thuộc cung $\widehat{AnB}$
 (A, K, E, F, B cùng thuộc một đường tròn).

Cách trình bày:

Ta có: $\widehat{AKB} = \widehat{AEB} = \widehat{AFB}$ (gt)

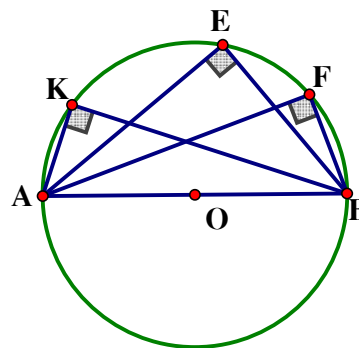
$\Rightarrow$ A, K, E, F, B cùng thuộc 1 đường tròn (Các điểm K, E, F cùng nhìn AB dưới 1 góc bằng nhau).

*** Chú ý (SGK- Tr.85)**

Nếu $\widehat{AKB} = \widehat{AEB} = \widehat{AFB} = 90^\circ$

$\Rightarrow$ A, K, E, F, B cùng thuộc đường tròn đường kính AB.

(các điểm cùng nhìn AB dưới góc vuông)



QUAN TRỌNG: Kết quả này giúp chúng ta chứng minh nhiều điểm thuộc một đường tròn hoặc chứng minh tứ giác nội tiếp đường tròn. (chẳng hạn: AKEF, KEFB là các tứ giác nội tiếp)

2/ TỨ GIÁC NỘI TIẾP:

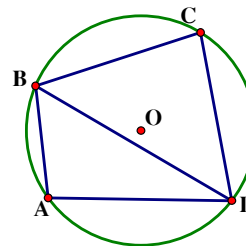
*** Định nghĩa:** (SGK- Tr.87)

Tứ giác nội tiếp là tứ giác có 4 đỉnh(.....) đường tròn.

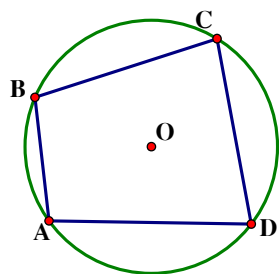
Tứ giác ABCD là tứ giác nội tiếp (O) $\Leftrightarrow$,.....,.....,..... $\in$ (O)

$\Leftrightarrow C \in$ ΔABD

$\Leftrightarrow$ (O)..... của tứ giác ABCD.



*** Định lý:** (SGK- Tr. 88)



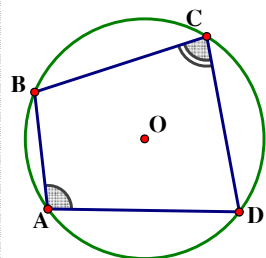
Ta có: ABCD là tứ giác nội tiếp (gt)

$$\Leftrightarrow \widehat{A} + \dots\dots\dots = 180^\circ$$

$$(\text{hoặc } \dots\dots\dots + \dots\dots\dots = 180^\circ)$$

*** Dấu hiệu nhận biết tứ giác nội tiếp:**

(1) Tứ giác có tổng 2 góc đối bằng 180° là tứ giác nội tiếp. (hai góc đối bù nhau)



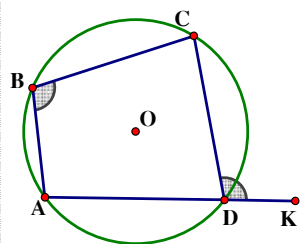
Xét tứ giác ABCD có:

$$\widehat{A} + \dots\dots\dots = 180^\circ$$

$\Rightarrow$ ABCD là tứ giác nội tiếp

(Tứ giác có $\dots\dots\dots$ 2 góc $\dots\dots\dots$ bằng 180°).

(2) Tứ giác có góc trong bằng góc đối ngoài (hay góc ngoài bằng góc đối trong).



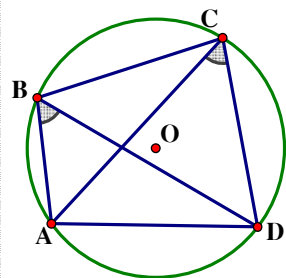
Xét tứ giác ABCD có :

$$\widehat{B} = \dots\dots\dots$$

$\Rightarrow$ ABCD là tứ giác nội tiếp

(Tứ giác có góc $\dots\dots\dots$ bằng góc đối $\dots\dots\dots$).

(3) Tứ giác có 2 đỉnh kề nhau cùng nhìn cạnh còn lại dưới 1 góc bằng nhau.



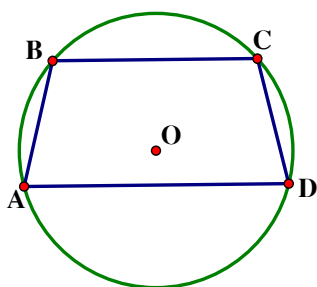
Xét tứ giác ABCD có:

$$\widehat{ABD} = \dots\dots\dots$$

$\Rightarrow$ ABCD là tứ giác nội tiếp

(Tứ giác có 2 đỉnh B, C cùng nhìn cạnh $\dots\dots\dots$ dưới góc bằng nhau).

(4) Hình thang cân là tứ giác nội tiếp.

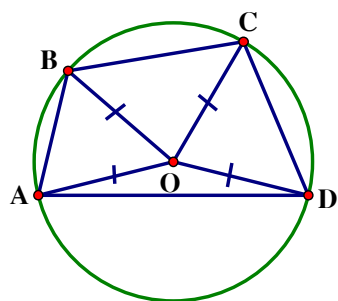


Xét tứ giác ABCD là hình thang cân
 $\Rightarrow$ ABCD là tứ giác nội tiếp (hình thang cân là.....)

Chú ý: Nếu hình thang nội tiếp đường tròn thì hình thang đó là hình thang cân.

Xét hình thang ABCD nội tiếp (O)
 $\Rightarrow$ ABCD là hình thang cân.

(5) Tứ giác có 4 đỉnh cách đều 1 điểm là tứ giác nội tiếp.

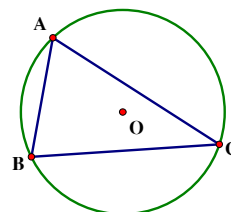


Xét tứ giác ABCD có :
 $OA = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$ (gt)
 $\Rightarrow$ ABCD là tứ giác nội tiếp (O).
 (Tứ giác có 4 đỉnh)

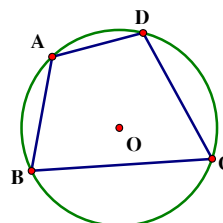
3/ ĐƯỜNG TRÒN NỘI TIẾP, ĐƯỜNG TRÒN NGOẠI TIẾP:

* **Định nghĩa:** SGK/ Tr.91

*(O) là của $\triangle ABC$
 * $\triangle ABC$ là..... của (O)



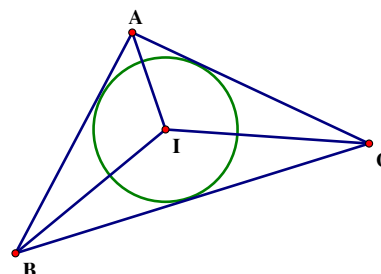
*(O) là của tứ giác ABCD.
 * Tứ giác ABCD là của (O).



*(I) là của tam giác ABC.

* Tam giác ABC là của (I)

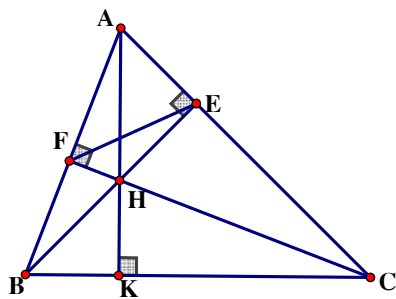
Chú ý: I là tâm đường tròn nội tiếp $\triangle ABC$
 $\Leftrightarrow$ I là giao điểm của các đường trong của $\triangle ABC$.
 $\Leftrightarrow$ AB, AC, BC là các của (I)



* **Định lý:** SGK- Tr.91

BÀI TẬP 2: VẬN DỤNG GÓC VUÔNG LẤY TỪ TÍNH CHẤT CỦA ĐƯỜNG CAO TRONG TAM GIÁC:

Bài tập mẫu:



Cho tam giác ABC nhọn ($AB < AC$) có 3 đường cao AK, BE, CF cắt nhau tại H (H được gọi là trực tâm của tam giác ABC, trực tâm là giao điểm của các đường cao).

a) Chứng minh: Tứ giác AFHE nội tiếp đường tròn, xác định tâm S của đường tròn ngoại tiếp tứ giác đó.

b) Chứng minh: Tứ giác BFEC nội tiếp đường tròn, xác định tâm M của đường tròn ngoại tiếp tứ giác đó.

Giải:

a) Xét tứ giác AFHE có:

$$\begin{cases} \widehat{\text{AFH}} =(.....) \\ \widehat{\text{AEH}} =(.....) \end{cases}$$

$$\Rightarrow \text{.....} + \text{.....} = 180^\circ$$

$\Rightarrow$ tứ giác AFHE nội tiếp đường tròn đường kính , $\Rightarrow$ tâm S là trung điểm của

(tứ giác có).

b) Xét tứ giác BFHE có:

$$\left\{ \begin{array}{l} \widehat{\text{BFC}} = \dots\dots\dots (\dots\dots\dots) \\ \widehat{\text{BEC}} = \dots\dots\dots (\dots\dots\dots) \end{array} \right.$$

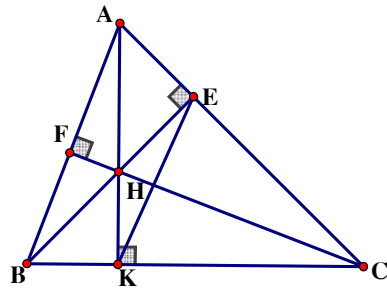
$$\Rightarrow \overset{\text{---}}{\underset{\text{---}}{\curvearrowright}}} = \overset{\text{---}}{\underset{\text{---}}{\curvearrowleft}}} = 90^0$$

$\Rightarrow$ tứ giác BFHE nội tiếp đường tròn đường kính , $\Rightarrow$ tâm M là trung điểm của

(tứ giác có).

BÀI TẬP 3: VẬN DỤNG GÓC VUÔNG LẤY TỪ TÍNH CHẤT TRỰC TÂM DẪN TỚI ĐƯỜNG CAO TRONG TAM GIÁC:

Bài tập mẫu:



Cho tam giác ABC nhọn có $AB < AC$, hai đường cao BE và CF cắt nhau tại H. Tia AH cắt BC tại K.

- a) Chứng minh H là trực tâm tam giác ABC và $AK \perp BC$.
b) Chứng minh tứ giác BFHK, tứ giác BAEK nội tiếp.

Giải:

a/ Xét $\triangle ABC$ có:

BE là 1 (gt)

CF là2 (gt)

BE cắt CF tại H

$\Rightarrow H$ là của $\triangle ABC$.

mà AK đi qua H

$\Rightarrow$ AK là đường cao 3 của $\triangle ABC$

$$\Rightarrow AK \perp BC \text{ tại } K.$$

b/

[illegible]

TUẦN 6 – TIẾNG ANH 9

NỘI DUNG BÀI HỌC UNIT 7: SAVING ENERGY

WORDFORM

	VERBS	NOUNS	ADJECTIVES	ADVERBS	Meaning
1	advise	advice adviser	advise		khuyến bảo
2	achieve	achievement	achieved		thành tựu
3	consume	consumption consumer	consumptive time-consuming		tiêu thụ tốn thời gian
4	drip	drip	dripping		nhỏ giọt
5	energize	energy	energetic	energetically	năng lượng
6	effect	effect	effective	effectively	ảnh hưởng
7		efficiency	efficient	efficiently	hiệu quả
8	electrify	electricity electrician	electrical electric	electrically	điện
9		enormousness	enormous	enormously	to lớn
10	innovate	innovation	innovative		đổi mới
11	install	installation installer			lắp đặt
12		regularity	regular	regularly	sự điều đặn
13	suggest	suggestion	suggestive	suggestively	đề nghị
14	shorten thu ngắn	shortage	short	shortly	thiếu
15		sun sunlight ánh nắng mặt trời	solar sunny nắng sunless âm u		mặt trời
16	save	saving	saving		tiết kiệm
17		luxury	luxurious	luxuriously	xa xỉ
18	produce	production product : sản phẩm producer	productive	productively	sản xuất
19	worry	worry worrier	worried worrying	worredly	lo lắng
20	waste	waste	wasteful waste	wastefully	hoang phí bỏ đi

EXERCISE

- Jogging is a very _____ form of exercise. (energy)
- _____, the mummy got up and smiled at the viewers. (sudden)
- It was _____ that I did badly in the exam. (disappoint)
- _____ air is one of the many problems we have to solve. (pollute)
- Clean water is an absolute _____ (necessary)
- Customers made a formal _____ about the way they were treated. (complain)

7. She _____ refused his invitation. (polite)
8. We meet _____ each morning for coffee. (regular)
9. Scientists are looking for an _____ way reduce energy consumption. (effect)
10. A helmet affords the cyclist some degree of _____ against injury. (protect)
11. I think the careless drivers should be fined _____. (heavy)
12. _____ is better than cure. (prevent)
13. To keep the air unpolluted, people ought to use _____ energy to create electricity. (sun)
14. Since the world's energy resources are limited, we must _____ them. (conservation)
15. Water is going all over the floor because of the _____ faucet. (drip)
16. If there is sometimes wrong with the light, ask an _____ to look at it. (electric)
17. I'm very _____ because they use electricity to catch fish. (worry)
18. Fuel _____ can be cut down by having fewer cars on the roads. (consume)
19. It's time- _____ to play online games. (consume)
20. Water _____ is increasing this summer. (consume)
21. There is a _____ faucet in your kitchen. (drip)
22. They spent a _____ weekend at a country hotel. (luxury)
23. There's a _____ of food and shelter in the refugee camps. (short)
24. The tallest buildings in London are small in _____ with New York's skyscrapers. (compare)
25. She was _____ that I did badly in the exam. (disappoint)
26. She likes this machine because it works _____. (effect)
27. There have been many _____ in the field of electrical engineering. (innovate)
28. She has a kitchen full of electrical _____. (apply)
29. Her disappearance has never been _____ explained. (satisfy)
30. We can save electricity by the _____ of ordinary 100-watt light bulbs with energy-saving bulbs. (replace)

CHỦ ĐỀ:

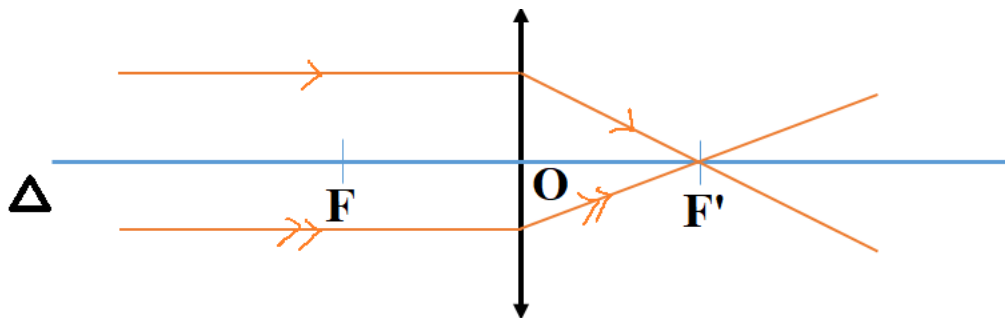
THẤU KÍNH HỘI TỤ - ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI THẤU KÍNH HỘI TỤ

I. Đặc điểm của thấu kính hội tụ

- Có phần rìa mỏng hơn phần giữa
- Chiếu chùm tia tới song song trục chính cho chùm tia ló hội tụ.
- Đưa thấu kính lại gần dòng chữ trên trang sách, thấy ảnh của dòng chữ lớn hơn dòng chữ.

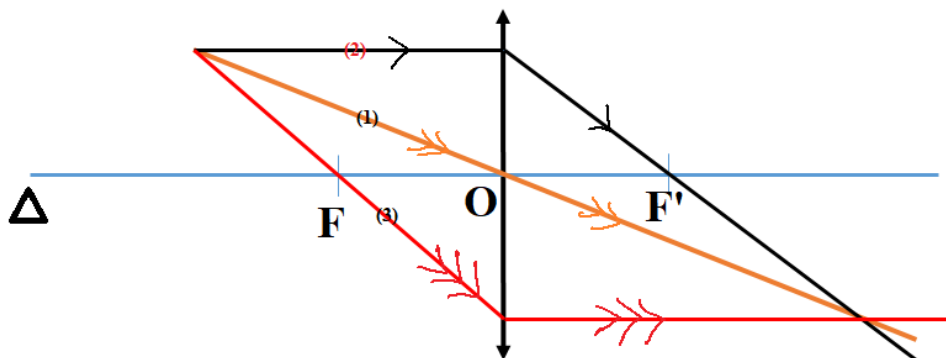
II. Đường truyền của các tia sáng đặc biệt qua TKHT

1. Trục chính, quang tâm, tiêu điểm, tiêu cự



- Trục chính Δ .
- Quang tâm O.
- Tiêu điểm F, F'.
- Tiêu cự $OF = OF' = f$.

2. Đường truyền 3 tia sáng đặc biệt qua TKHT



(1): Tia tới đi qua quang tâm thì tia ló tiếp tục đi thẳng theo phương của tia tới.

(2): Tia tới song song với trục chính thì tia ló đi qua tiêu điểm.

(3): Tia tới đi qua tiêu điểm thì tia ló song song với trục chính.

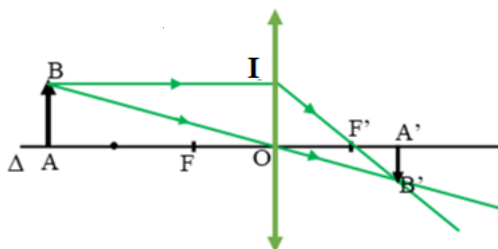
3. Cách dựng ảnh

Muốn dựng ảnh $A'B'$ qua thấu kính (AB vuông góc với trục chính, A nằm trên trục chính), ta dựng ảnh B' của B qua thấu kính bằng cách vẽ đường truyền của 2 tia sáng đặc biệt. Sau đó, từ B' dựng vuông góc với trục chính ta được ảnh A' của A.

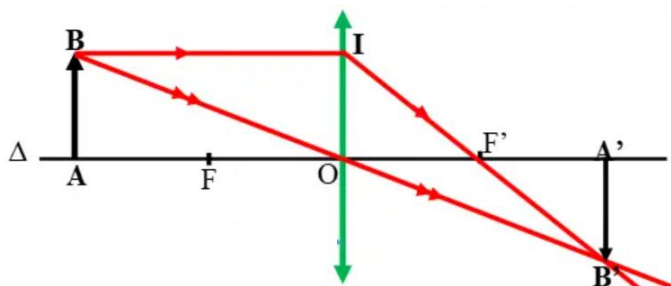
III/ Đặc điểm ảnh của một vật tạo bởi thấu kính hội tụ

– Cho ảnh thật, ngược chiều vật khi đặt ngoài khoảng tiêu cự

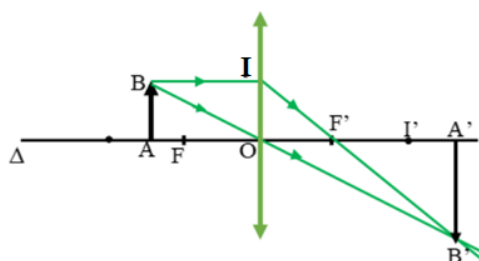
+ $d > 2f$ ảnh nhỏ hơn vật.



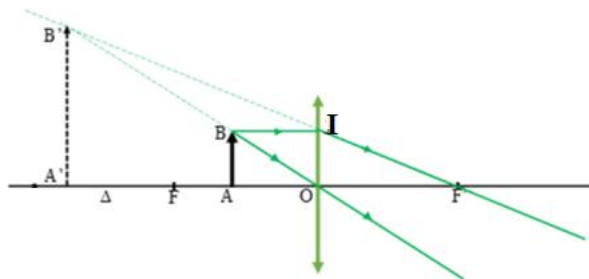
+ $d = 2f$ ảnh bằng vật.



+ $f < d < 2f$ ảnh lớn hơn vật.



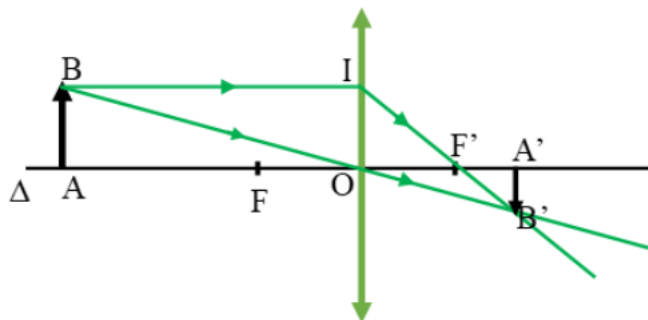
- + Khi vật đặt rất xa thấu kính thì ảnh thật có vị trí cách thấu kính một khoảng bằng tiêu cự.
- Cho ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật khi vật đặt trong khoảng tiêu cự $d < f$.



IV/ Vận dụng

C5 – C6/ 117-118 SGK

a) $d = OA = 36 \text{ cm}$, $f = OF = OF' = 12 \text{ cm}$



– Nhận xét: ảnh thật, ngược chiều, bé hơn vật

$$\triangle ABO \sim \triangle A'B'O$$

$$\Rightarrow \frac{AB}{A'B'} = \frac{OA}{OA'} \quad (1)$$

$$\triangle A'B'F' \sim \triangle OIF'$$

$$\Rightarrow \frac{OI}{A'B'} = \frac{OF'}{F'A'} = \frac{OF'}{OA' - OF'}$$

Mà $OI = AB$ (ABIO là hình chữ nhật)

$$\Rightarrow \frac{AB}{A'B'} = \frac{OF'}{OA' - OF'} \quad (2)$$

$$\text{Từ (1) và (2)} \Rightarrow \frac{OA}{OA'} = \frac{OF'}{OA' - OF'}$$

$$\Rightarrow \frac{36}{OA'} = \frac{12}{OA' - 12}$$

$$\Rightarrow 36OA' - 432 = 12OA'$$

$$\Rightarrow 24OA' = 432$$

$$\Rightarrow OA' = 18\text{cm}$$

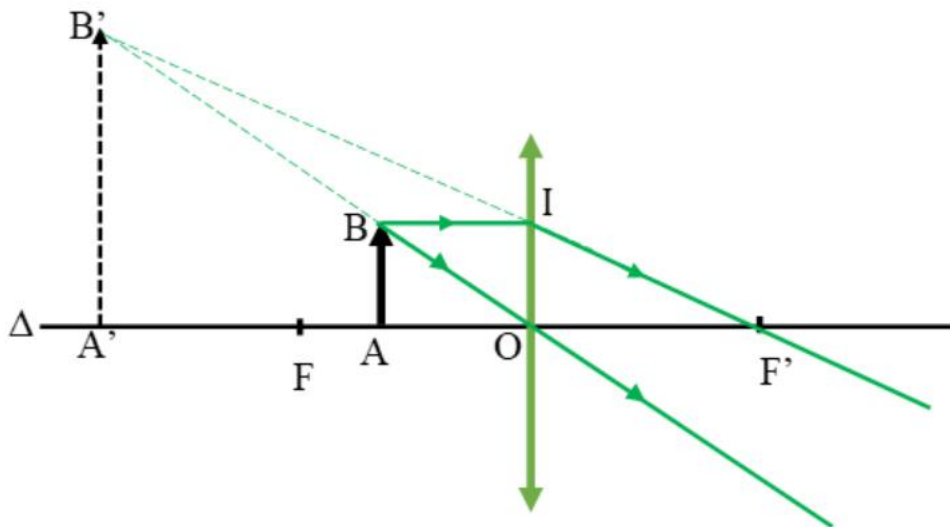
Với $AB = 1\text{cm}$

$$(1) \Rightarrow \frac{1}{A'B'} = \frac{36}{18}$$

$$\Rightarrow A'B' = 0,5\text{cm}$$

Vậy ảnh cách thấu kính 18cm và ảnh cao 0,5cm

b) $d = OA = 8\text{cm}$, $f = OF = OF' = 12\text{cm}$



– Nhận xét: ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật.

$$\Delta ABO \sim \Delta A'B'O$$

$$\Rightarrow \frac{AB}{A'B'} = \frac{OA}{OA'} \quad (1)$$

$$\Delta A'B'F' \sim \Delta OIF'$$

$$\Rightarrow \frac{OI}{A'B'} = \frac{OF'}{F'A'} = \frac{OF'}{OA' + OF'}$$

Mà $OI = AB$ (ABIO là hình chữ nhật)

$$\Rightarrow \frac{AB}{A'B'} = \frac{OF'}{OA' + OF'} \quad (2)$$

$$\text{Từ (1) và (2)} \Rightarrow \frac{OA}{OA'} = \frac{OF'}{OA' + OF'}$$

$$\Rightarrow \frac{8}{OA'} = \frac{12}{OA' + 12}$$

$$\Rightarrow 8OA' + 96 = 12OA'$$

$$\Rightarrow 4OA' = 96$$

$$\Rightarrow OA' = 24cm$$

Với $AB = 1cm$

$$(1) \Rightarrow \frac{1}{A'B'} = \frac{8}{24}$$

$$\Rightarrow A'B' = 3cm$$

Vậy ảnh cách thấu kính 24cm và ảnh cao 3cm

Bài 38:

ACETYLENE

Công thức phân tử: _____ Phân tử khối: _____

I - TÍNH CHẤT VẬT LÝ:

.....

II- CẤU TẠO PHÂN TỬ:

.....

.....

Trong ptử acetylene có

.....

III-TÍNH CHẤT HÓA HỌC:

1/ Phản ứng cháy:

* Thí nghiệm :

+ Hiện tượng:

+ PTHH



2/ Phản ứng cộng với dung dịch Br₂:

* Thí nghiệm :

+ Hiện tượng:

GV: Lê Quốc Thắng – SĐT: 0977443082

+ PTHH:



.....

.



*Trong đk thích hợp, acetylene có pư cộng với H_2 và 1 số chất khác

IV- ỨNG DỤNG:

V- ĐIỀU CHẾ:



BÀI TẬP

Câu 1: Viết công thức cấu tạo và công thức cấu tạo thu gọn của CH_4 , C_2H_4 ,
 C_2H_2

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Nêu hiện tượng và viết phương trình hóa học khi dẫn hỗn hợp khí ethylene và khí acetylene qua dd Br₂ dư

.....

.....

Câu 3: Đốt cháy hỗn hợp khí methane và khí ethylene, khí acetylene. Dẫn sản phẩm thu được qua dung dịch nước vôi trong dư. Nêu hiện tượng và viết phương trình hóa học xảy ra.

.....

.....

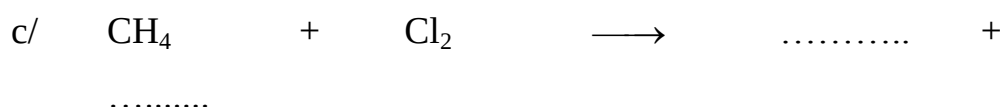
.....

.....

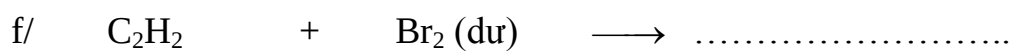
.....

.....

Câu 4: Hoàn thành các phương trình hóa học sau (ghi rõ điều kiện phản ứng)



GV: Lê Quốc Thắng – SĐT: 0977443082



Câu 5: Đốt cháy hoàn toàn khí acetylene thu được 9,916 lít khí carbon dioxide (đkc)

a/ Viết phương trình hóa học xảy ra.

b/ Tính thể tích khí acetylene tham gia phản ứng.(đktc)

c/ Dẫn sản phẩm cháy qua dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dư. Tính khối lượng kết tủa tạo thành.

(Cho C = 12; H = 1; O = 16; Ca = 40)

.....
.....
.....

NỘI DUNG BÀI HỌC SINH 9 TUẦN 6/HKII

CHƯƠNG II: HỆ SINH THÁI

Bài 47: QUẦN THỂ SINH VẬT

I. THẾ NÀO LÀ QUẦN THỂ SINH VẬT

Quần thể sinh vật là tập hợp những cá thể cùng loài, cùng sinh sống trong một khoảng không gian nhất định, ở một thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo ra thế hệ mới.

II. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QTSV

1. Tỷ lệ giới tính

- Tỷ lệ giới tính là tỷ lệ giữa số lượng cá thể đực và cái.
- Tỷ lệ giới tính đảm bảo hiệu quả sinh sản của quần thể.

2. Thành phần nhóm tuổi

Nội dung bảng 47.2 SGK trang 140.

3. Mật độ quần thể

Mật độ là số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích.

III. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA QTSV:

- Môi trường như khí hậu, thổ nhưỡng, nguồn thức ăn, nơi ở... ảnh hưởng tới số lượng cá thể trong quần thể sinh vật.
- Khi số lượng cá thể trong QTSV bị biến động, Mật độ cá thể trong quần thể lại được điều chỉnh ở mức độ cân bằng.

TUẦN 6 TỪ NGÀY 7/3 – 12/3/2022

**BÀI 23. TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945 VÀ SỰ THÀNH LẬP
NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA**

(1 tiết)

I. Lệnh tổng khởi nghĩa được ban bố

- Tình hình thế giới:
 - + Châu Âu: Đức đầu hàng quân đồng minh (5/1945)
 - + Châu Á: Nhật đầu hàng quân đồng minh (8/1945)
- Trong nước:
 - + Quân Nhật hoang mang dao động.
 - + 8/1945 hội nghị của Đảng họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) quyết định tổng khởi nghĩa trong cả nước.
 - + Thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, kêu gọi toàn dân nổi dậy.
- Lập uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam, do Hồ Chí Minh làm Chủ Tịch.

II. Diễn biến cuộc khởi nghĩa

Thời gian	Sự kiện
Từ 14 – 18/8/1945	Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền
19/8/1945	Nhân dân biểu tình, đánh chiếm các công sở, quân Nhật không dám chống lại -> Hà Nội giành chính quyền
23/8/1945	Huế khởi nghĩa thắng lợi.
25/8/1945	Sài Gòn khởi nghĩa thắng lợi.
28/8/1945	Cả nước giành được chính quyền.
2/9/1945	Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

IV. Ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của cách mạng tháng Tám

1. Ý nghĩa lịch sử

- Trong nước.
 - + Đập tan ách thống trị hơn 80 năm của Pháp và Nhật, lật đổ CĐPK.
 - + Mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỉ nguyên độc lập tự do.
- Quốc tế:
 - + Là thắng lợi đầu tiên của 1 dân tộc, tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.
 - + Là nguồn cổ vũ lớn lao đối với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.

2. Nguyên nhân thắng lợi

- Truyền thống đấu tranh bất khuất, đoàn kết của dân tộc.
- Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Hồ chủ tịch, với đường lối cách mạng đúng đắn.
- Có hoàn cảnh quốc tế thuận lợi.



**Chương IV. VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN TOÀN
QUỐC KHÁNG CHIẾN**

BÀI 24. CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ VÀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1945 – 1946)(2 tiết)

I. Tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám

- Chính trị:
 - + Từ vĩ tuyến 16 (Đà Nẵng) trở ra Bắc: quân Tưởng với âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng, thành lập chính quyền tay sai.
 - + Từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam: Anh, Pháp quay lại xâm lược nước ta.
 - + Các lực lượng phản cách mạng, chống phá cách mạng.
- Kinh tế:
 - + Nghèo nàn, lạc hậu,
 - + Ngân sách nhà nước trống rỗng....
 - Văn hóa: hơn 90% dân số mù chữ.
 - Xã hội: các tệ nạn xã hội tràn lan.

II. củng cố chính quyền cách mạng và bảo vệ độc lập dân tộc.

1. Bước đầu xây dựng chế độ mới

- 6/1/1946 nhân dân cả nước đi bầu cử Quốc hội khóa I
- Ý nghĩa:
 - + Là đòn đánh mạnh vào âm mưu chia rẽ của kẻ thù.
 - + Nâng cao uy tín của Đảng, của nước VNDCCH trên trường quốc tế.
 - + Phát huy tinh thần yêu nước, ý chí làm chủ đối với nhà nước cách mạng.
 - + Biểu lộ sức mạnh và ý chí sắt đá của khối đoàn kết toàn dân.

2. Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính

a. Giải quyết giặc đói

- Lập hũ gạo cứu đói, ngày đồng tâm.
- Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, giảm tô thuế, chia lại ruộng công,...

b. Giải quyết giặc dốt

- 9/1945 thành lập cơ quan bình dân học vụ.
- Toàn dân tham gia phong trào xoá nạn mù chữ.
- Phát triển các cấp học, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục.

c. Giải quyết khó khăn về tài chính

- Kêu gọi tinh thần đóng góp của dân.
- Xây dựng “Quỹ độc lập”, “Tuần lễ vàng”.
- 11/1946 phát hành tiền Việt Nam.

3. Nhân dân Nam bộ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược

- Đêm 22 rạng sáng 23/9/1945 Pháp đánh úp trụ sở UBND Nam Bộ và cơ quan tự vệ Sài Gòn.
- Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn anh dũng đánh trả quân xâm lược.
- 10/1945 Pháp đánh chiếm các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
- Đảng phát động phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến.

4. Đấu tranh chống quân Tưởng và bọn phản cách mạng

- Để hạn chế sự phá hoại, ta nhân nhượng cho chúng một số quyền lợi về kinh tế và 1 số chức vụ trong Quốc hội.

- Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng.

5. Hiệp định sơ bộ (6/3/1946) và tạm ước Việt – Pháp (14/9/1946)

a. Hoàn cảnh

- Pháp - Tưởng kí hiệp ước Hoa - Pháp (28/2/1946) để bắt tay chống phá cách mạng nước ta.

- Đảng chủ trương hòa hoãn với Pháp, kí Hiệp định sơ bộ (6/3/1946)

b. Nội dung hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946

- Pháp công nhận VNDCCH là nước tự do, có chính phủ.

- VNDCCH thỏa thuận cho Pháp ra Bắc thay thế quân Tưởng.

- Hai bên ngừng bắn ở Nam bộ.

- Ngày 14/9/1946 Chủ tịch HCM kí với Pháp tạm ước Việt -Pháp.

- Ý nghĩa: giúp ta loại được Tưởng, có thêm thời gian hòa hoãn để chuẩn bị kháng chiến lâu dài.



ĐỊA LÍ 9-TUẦN 6/HK2

VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

IV. TÌNH HÌNH PHAÙT TRIỂN KINH TẾ:

1/ Nông nghiệp:

Nông nghiệp giữ vai trò hàng đầu trong việc đảm bảo an toàn lương thực cũng như xuất khẩu lương thực, thực phẩm của cả nước. Diện tích trồng lúa chiếm 51,1% cả nước, sản lượng lúa chiếm 51,4% cả nước. Tổng sản lượng thủy sản chiếm hơn 50% cả nước; vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long còn là vùng trồng cây ăn quả, nuôi vòt, trồng rừng ngập mặn phát triển mạnh.

2/ Công nghiệp:

Tỷ trọng sản xuất công nghiệp còn thấp chiếm 20% GDP toàn vùng. Ngành chế biến lương thực thực phẩm là ngành nhất chiếm 65% cơ cấu công nghiệp của vùng. Cơ sở sản xuất tập trung chủ yếu ở Cần Thơ.

3/ Dịch vụ:

Chủ yếu xuất khẩu gạo, thủy sản nông lâm, hoa quả. Vận tải nội vùng thủy có vai trò quan trọng, du lịch sinh thái.

V. CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ:

Cần Thơ, Mỹ Tho, Long Xuyên, Cà Mau. Cần Thơ là trung tâm kinh tế lớn nhất vùng.

BÀI 14: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG DÂN

(tiết 2)

I. Đặt vấn đề

- Lao động là một nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân đối với Tổ quốc. Ai cũng phải tùy khả năng mình mà tự nguyện tự giác tham gia lao động, góp phần xây dựng nhà nước.

II. Nội dung bài học

3. Quyền và nghĩa vụ lao động

- Quyền lao động:

+ Công dân có quyền tự do sử dụng sức lao động để học nghề, tìm việc làm, lựa chọn nghề nghiệp có ích cho xã hội, đem lại thu nhập.

- Nghĩa vụ lao động:

+ Tự nuôi sống bản thân, gia đình.

+ Tạo ra của cải, vật chất, tinh thần duy trì, phát triển đất nước.

III. Bài tập

Câu 1: Hãy cho biết ý kiến của em về hai quan niệm dưới đây và giải thích vì sao:

a) Lao động là hoạt động sử dụng sức lao động để tạo ra thu nhập.

b) Chỉ những hoạt động tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần cho xã hội mới là lao động.

Câu 2: Để trở thành người lao động tốt, công dân có ích cho xã hội, ngay từ giờ em cần phải làm gì?

IV. Dặn dò

- Học bài

TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG

MÔN ÂM NHẠC LỚP 9

Tuần 6

Nhạc lí : Sơ lược về hợp âm

ANTT: Nhạc sĩ Trai- cấp -xki

1. Hợp âm

Hợp âm là sự vang lên đồng thời của ba, bốn hoặc năm âm cách nhau một quãng 3.

Ví dụ :



2. Một số loại hợp âm

a) Hợp âm ba : gồm có ba âm, các âm cách nhau quãng 3. Hai âm ngoài cùng tạo thành quãng 5.

Ví dụ : Hợp âm ba



- Âm Đô và âm Mi cách nhau 1 quãng 3 trưởng.
- Âm Mi và âm Son cách nhau 1 quãng 3 thứ.
- Âm Đô và âm Son cách nhau 1 quãng 5 đúng.

Tùy theo cách sắp xếp các quãng ba trưởng, ba thứ mà tạo thành các hợp âm trưởng, hợp âm thứ và các hợp âm khác.

Ví dụ : Hợp âm ba trưởng, hợp âm ba thứ

Ví dụ : Hợp âm ba trường, hợp âm ba thứ



19

b) Hợp âm bảy : gồm có bốn âm, các âm cách nhau theo quãng 3. Hai âm ngoài cùng tạo thành quãng 7.

Ví dụ : Hợp âm bảy

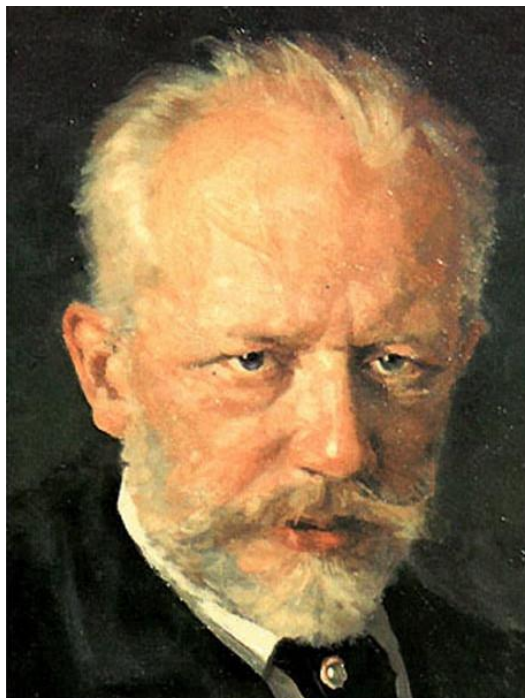


– Hợp âm Son 7, có 2 âm ngoài cùng là Son và Pha, tạo thành quãng 7.

– Hợp âm Pha 7, có 2 âm ngoài cùng là Pha và Mi, tạo thành quãng 7.

Hợp âm là một trong những phương tiện diễn tả âm nhạc. Các nhạc sĩ sử dụng hợp âm để thể hiện những ý tưởng, cảm xúc, nội dung âm nhạc ở các tác phẩm nhạc đàn và nhạc hát.

ANTT: Nhạc sĩ Trai- cốp -xki



Tên khai sinh	Pyotr Ilyich Tchaikovsky
Sinh	<u>Lịch Gregory</u> : 7 tháng 5 năm 1840 <u>Lịch Julius</u> : 2 tháng 4 năm 1840 <u>Votkinsk, Udmurtia, Nga</u>
Nguyên quán	 <u>Nga</u>
Mất	Lịch Gregory: 6 tháng 11 năm 1893 Lịch Julius: 25 tháng 1 năm 1893 (53 tuổi) <u>Saint Petersburg, Nga</u>
Nghề nghiệp	<u>Nhà soạn nhạc</u>
<u>Nhạc cụ</u>	<u>Dương cầm</u>

Tchaikovsky không những là nhạc sĩ Nga vĩ đại mà còn là nhạc sĩ lớn thế giới. Hoạt động âm nhạc chính là ở Moscow. Sáng tác nhiều thể loại thành công như giao hưởng, nhạc kịch, vũ kịch, nhạc thính phòng, hoà tấu, romance.

Tác phẩm phản ánh tâm tư con người thời đại, tình cảm, khát vọng dưới chế độ Nga hoàng. Miêu tả cảnh thiên nhiên nước Nga rất độc đáo như giao hưởng số 1 Giấc mơ mùa đông, tổ khúc 4 mùa, trong tác phẩm còn đề cập đến những câu chuyện thần thoại, những trang sử quang vinh của nước Nga nhưng đặc điểm nổi bật là ông phản ánh thông qua tấn bi kịch như giao hưởng số 5, số 6, nhạc kịch Con đầm bích là những tác phẩm bi kịch đạt đến đỉnh cao. Ông nổi tiếng vì đã biết kết hợp nhuần nhuyễn âm nhạc Nga với âm nhạc châu Âu, âm nhạc thành thị, nông thôn.

Tchaikovsky sáng tác khoảng 30 tác phẩm cho dàn nhạc giao hưởng gồm có: bảy bản giao hưởng (6 giao hưởng và giao hưởng có tiêu đề Mangfrét), ba bản vũ kịch, 11 vở nhạc kịch Opera, nhiều concertos cho piano, violon, nhiều khúc mở màn, giao hưởng thơ và tổ khúc giao hưởng. Tính chất giao hưởng của Tchaikovsky là trữ tình đầy tính kịch. Đây là một dòng giao hưởng mới trong lịch sử giao hưởng Nga. Bên cạnh đó cũng có giao hưởng mang tính chất cảnh trí sinh hoạt như GH số 1 "Những ước mơ và con đường mùa đông (1866), Người thợ rèn Vacula, [vũ kịch Hồ Thiên Nga](#), ba khúc mở màn: [Romeo và Juliét](#) (1869); Bão tố (1873); Franxétca đa Rêminhi (1876) - Giai đoạn 1877 do căng thẳng với cuộc sống riêng tư ông bỏ dạy, mãi mê chinh chế và yêu đương ở Ý, Anh, Pháp và những tác phẩm trong thời kỳ này: Nhạc kịch Eugene Onegin, Cô gái Orliăng (1870) và Madéppa (1883), concerto số 2 cho piano, [concerto cho violon...](#) - Thời kỳ trở về Moscow, ông viết GH có tiêu đề Mangfrét; và [bản GH số 5](#) (1888); nhạc kịch Con đầm bích, Người đẹp ngủ trong rừng (1889), [Kep hạt dẻ](#), Iolanta (1891).